

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-PT

Ngày 21/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán;

Ông Trương Quyết Thắng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2024 và ngày 21/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2024/TLPT - HS ngày 14/6/2024 đối với các bị cáo Phùng Văn T và Bùi Thị N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1034/QĐXXPT-HS ngày 15/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1245/QĐ-HSPT ngày 31/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 1429/QĐ-HSPT ngày 27/8/2024; Quyết định ngừng phiên tòa số 1598/QĐ-HSPT ngày 17/9/2024.

- Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Họ và tên: Phùng Văn T; Sinh ngày 11/12/1961 tại huyện GT, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn TT, xã KYT, huyện VB, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Đức T1 và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Bùi Thị N và có 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 22/8/2023; Có mặt.

2. Họ và tên: Bùi Thị N; Sinh ngày 15/7/1962 tại huyện GT, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn TT, xã KYT, huyện VB, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ Văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn K và bà Tô Thị T2; Có chồng là Phùng Văn T và có 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 22/8/2023; Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Phùng Văn T và Bùi Thị N;

Ông Trần Mạnh H1, Luật sư Văn phòng Luật sư HM, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Số 007 đường TT, tổ 22 phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị T3, sinh năm 1975.

+ Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thông TB, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị T3 và ông Lương Văn Đ:* Luật sư Nguyễn Văn Đ1 - Văn phòng Luật sư NB Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: 051 LĐT, phường KT, thành phố LC, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phùng Văn C; Địa chỉ: Thôn TT, xã KYT, huyện VB, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản án số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai Quyết định: Buộc các bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N và anh Phùng Văn C phải trả lại cho bà Lê Thị T3, ông Lương Văn Đ diện tích đất 3.342,1m² đất tại thôn B, xã KYT, huyện VB, tỉnh Lào Cai (trong đó có 300m² đất thổ cư và 3.042,1m² đất vườn). Thửa đất có tọa độ được xác định theo sơ đồ diện tích đất tranh chấp do Tòa án xem xét thẩm định ngày 31/10/2018. Buộc các bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N, anh Phùng Văn C phải thu hoạch, di dời toàn bộ cây cối, hoa màu, tài sản trên diện tích đất 3.342,1m² của bà T3, ông Đ, tại thôn B, xã KYT, huyện VB, tỉnh Lào Cai để trả lại đất cho bà T3, ông Đ.

Bản án phúc thẩm số 229/2019/DS-PT ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Không đồng ý với bản án số 229/2019/DS-PT ngày 11/12/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội, bị cáo Phùng Văn T có đơn đề nghị giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm gửi đến Tòa án nhân dân Tối cao.

Ngày 04/8/2021, Tòa án nhân dân Tối cao ban hành văn bản số 608/TB-TA trả lời bị cáo Phùng Văn T với nội dung: Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án số 229/2019/DS-PT ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Căn cứ đơn yêu cầu thi hành án của bà T3, ngày 04/5/2020 Chi cục Thi hành án dân sự (Viết tắt THADS) huyện VB đã ban hành Quyết định thi hành án số 239/QĐ-CCTHADS và tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật nhưng các bị cáo T, N và anh C không tự nguyện thi hành. Ngày 27/4/2022 Chi cục THADS huyện VB đã ra Quyết định cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 01/QĐ-CCTHADS để thi hành bản án trên. Ngày 25/5/2022 Chi cục THADS huyện VB đã tổ chức cưỡng chế và mời các bị cáo T, N và anh C tham gia. Khi đó, bị cáo T và anh C có mặt, bị cáo N không có mặt (do bị ốm) và cũng không ủy quyền cho ai thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án. Khi cưỡng chế, Chi Cục THADS huyện VB đã chặt bỏ các cây to trồng trên đất tranh chấp, nhổ cây cam nhỏ, để cạnh bờ rào bằng tre ở phía ngoài diện tích đất tranh chấp, tiến hành cắm các cọc tre xung quanh, dùng dây nylon buộc nối lại và phun sơn tại vị trí giáp ranh để xác định mốc giới và bàn giao đất cho bà T3. Dù tham gia quá trình cưỡng chế nhưng bị cáo T và anh C không đồng ý với quyết định cưỡng chế nên không ký vào biên bản cưỡng chế giao đất cho bà T3. Còn bị cáo N cho rằng quá trình cưỡng chế vắng mặt mình là trái quy định của pháp luật.

Sau khi Chi Cục THADS huyện VB hoàn thành cưỡng chế và bàn giao đất cho bà T3, do không đồng ý với bản án nên các bị cáo T, N vẫn tiếp tục thực hiện các hành vi không chấp hành án, cụ thể như sau:

Sáng ngày 26/5/2022, bị cáo T nhặt lại khoảng 50 cây cam mà Chi cục THADS đã nhổ trước đó khi cưỡng chế và trực tiếp trồng lại trên diện tích đất đã được bàn giao cho bà T. Cũng trong buổi sáng ngày 26/5/2022, bị cáo T thấy chị Q, chị X, anh V, và anh H2 được bà T3 thuê đến xây mốc giới thì ngăn cản không cho xây.

Đến chiều ngày 27/5/2022, bị cáo T thấy anh M, anh N và anh H2 đều là người thôn B, xã KYT, huyện VB được bà T3 thuê đến xây tường bao thì tiếp tục ngăn cản không cho thi công.

Khoảng 3 đến 4 ngày sau, bị cáo T được anh C báo là có người vào phun thuốc trừ cỏ nên bị cáo T đã đến kiểm tra thấy anh K và vợ là chị Q được bà T3 thuê đến phun thuốc trừ cỏ bị cáo T tiếp tục ngăn cản nên anh K và chị Q đi về.

Do bị ngăn cản thực hiện quyền sử dụng đất, bà T3 làm đơn đề nghị Công an và Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) xã KYT yêu cầu bị cáo T chấm dứt hành vi chiếm giữ, sử dụng mảnh đất đã được cưỡng chế. Ngày 16/6/2022, Công an xã KYT mời các bị cáo T, N đến làm việc, quá trình làm việc, các bị cáo T, N không

đồng ý giao đất cho bà T3 và tiếp tục chiếm giữ, sử dụng mảnh đất đã được cưỡng chế giao cho bà T3, ông Đ.

Ngày 23/11/2022, UBND xã KYT mời các bị cáo T, N đến làm việc, hoà giải, giải thích yêu cầu phải chấp hành quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật và hoạt động cưỡng chế thi hành án. Sau khi được các ban, ngành của xã và thôn giải thích nhưng các bị cáo T, N vẫn không đồng ý với quyết định của bản án và tiếp tục không chấp hành, tiếp tục chiếm giữ, sử dụng mảnh đất đã được cưỡng chế giao cho bà T3, ông Đ.

Đến tháng 02/2023, các bị cáo T, N bàn bạc trồng cây Quế lên phần diện tích đất đã được cưỡng chế giao cho bà T3, ông Đ, trong đó, bị cáo N trồng khoảng 30 cây, bị cáo T trồng khoảng gần 2.000 cây. Cũng trong thời gian này bị cáo T dùng cây tre rào chắn giữa diện tích đất để ngăn gia súc vào phá Quế, đến khoảng đầu tháng 3/2023, bị cáo T tiếp tục trồng khoảng 400 gốc sắn giống trên diện tích đất này. Những cây đã trồng đến nay các bị cáo T, N vẫn tiếp tục chăm sóc, bảo vệ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/5/2023 xác định trên diện tích đất đã cưỡng chế giao cho bà T3 trồng 3.000 cây Quế khoảng cách giữa các cây là 90cm, cây thấp nhất 40cm đường kính gốc 0,3cm, cây cao nhất cao 90cm đường kính gốc 01cm những cây quế vẫn phát triển bình thường, trên mảnh đất còn trồng mới 50 cây cam các cây trồng rải rác và thưa thớt, cây cao nhất là 90cm đường kính gốc 1,5cm, cây thấp nhất là 75cm đường kính gốc 01cm; Ngoài ra còn có 25 gốc cam phần gốc đã được chặt, tại mép chặt đã cũ phần gốc đã có chồi mọc và có nhiều cây sắn được trồng cách nhau khoảng 90 x 110cm đang sinh trưởng, phát triển bình thường.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Phùng Văn T và bị cáo Bùi Thị N vẫn khẳng định không chấp hành quyết định của các bản án. Không chấp nhận kết quả cưỡng chế thi hành án, không giao lại đất và tiếp tục chiếm giữ, sử dụng diện tích đất đã được cưỡng chế giao cho bà T3, ông Đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Về hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn T và bị cáo Bùi Thị N phạm tội “*Không chấp hành án*”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 380; điểm i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 06 (Sáu) tháng tù và phạt 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) nộp Ngân sách Nhà nước. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 380; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị N 04 (Bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584 Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T3 về việc buộc các bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị T3 số tiền 9.313.309 đồng (*Chín triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm linh chín đồng*) chi phí đi lại và thu nhập giảm sút do phải làm việc với cơ quan điều tra.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Ngày 21/5/2024, bị cáo T, bị cáo N kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với các lý do sau:

- + Các bị cáo cho rằng UBND huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) số BK 571977 vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00009 ngày 15/6/2012 diện tích 7.717,2 m², cho con trai bị cáo là anh Phùng Văn C, hiện GCNQSDĐ chưa bị thu hồi nên các bị cáo đã trồng cây vào mảnh đất của con trai các bị cáo.

- + Ngày 28/5/2024, bị cáo T, bị cáo N có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng sau khi có bản án dân sự phúc thẩm số 229/2019/DS-PT ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội. Các bị cáo đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm và Tòa án nhân dân Tối cao đã có thông báo số 608/TB-TA ngày 04/8/2021. Sau khi nhận được Thông báo số 608/TB-TA ngày 04/8/2021 bị cáo tiếp tục có đơn đề nghị, theo phiếu chuyển đơn tới Tòa án nhân dân Tối cao số 427/PCPP-TATC ngày 14/6/2022 và công văn 286/CQCSĐT huyện VB ngày 24/5/2023 hiện Tòa án nhân dân Tối cao chưa trả lời.

Ngày 28/5/2024 bà Lê Thị T3 kháng cáo với các nội dung như sau:

- + Bà Lê Thị T3 cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án huyện VB xác định bà là người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng, phải xác định là người bị hại mới đúng.

- + Tăng hình phạt đối với các bị cáo T, bị cáo N.

- + Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà tổng số tiền là 9.313.309 đồng.

- + Kiến nghị khởi tố anh Phùng Văn C, với vai trò là đồng phạm trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Phùng Văn T khai nhận toàn bộ diễn biến vụ việc như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện VB truy tố cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo N khai nhận toàn bộ diễn biến vụ việc như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

huyện VB, tỉnh Lào Cai truy tố nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị T3 và ông Lương Văn Đ: Ông Nguyễn Văn Đ1 Luật sư giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trình bày quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm:

Theo hồ sơ đã được quy chủ cho ông C tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 23, diện tích đất này đã được đo đạc địa chính và được UBND xã KYT, Phòng TN&MT huyện VB xác định đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Diện tích là 3.342,1m² nằm trong diện tích đất 7.717,2m² của anh Phùng Văn C đã được UBND huyện VB, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSD đất số BK 571977, sổ vào sổ cấp GCN CH 00009 ngày 15/6/2012, đến nay Giấy chứng nhận vẫn có hiệu lực nên các bị cáo có quyền sử dụng đất của anh C. Như vậy cùng một diện tích đất 3.342,1m² đang có mâu thuẫn giữa Giấy chứng nhận với 02 bản án có hiệu lực của Tòa án chưa được làm rõ, việc trả lời của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cho Viện kiểm sát về việc cấp đất cho ông C là không đúng thẩm quyền. Cần đưa UBND huyện VB vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ lý do vì sao ông C kê khai thửa đất 188, tờ bản đồ số 23 nhưng lại không có trong danh sách thửa đất của GCNQSDĐ. Trường hợp xác định ông C được cấp GCNQSDĐ đúng theo quy định pháp luật thì Tòa án và Viện kiểm sát cần phải kiến nghị theo thủ tục Tái thẩm để hủy 02 bản án có hiệu lực và áp dụng Điều 29 Bộ luật Hình sự để miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký.

[1.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phùng Văn T xác nhận đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo Bùi Thị N cũng đã nhận tổng đạt được

quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị cáo Bùi Thị N vắng mặt với lý do đang điều trị tại khoa Đông y, Bệnh viện đa khoa huyện VB, tỉnh Lào Cai. Theo biên bản xác minh ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện VB, thì tình trạng sức khỏe của bị cáo N vẫn bình thường, nếu tham gia xét xử tại phiên tòa ngày 17/9/2024 thì cũng không ảnh hưởng tới tính mạng. Như vậy đây không phải là trường hợp bất khả kháng, hoặc do trở ngại khách quan và sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo có điều kiện nhưng cố tình không chấp hành các bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai; Bản án phúc thẩm số 229/2019/DS-PT ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.

Chi Cục THADS huyện VB cưỡng chế và bàn giao đất cho bà T3, ông Đ nhưng các bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N vẫn tiếp tục thực hiện các hành vi không chấp hành án và tái chiếm, trồng lại cây cam, cây quế, cây sắn trên diện tích đất đã được bàn giao cho bà T3.

Với hành vi nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện VB, tuyên bố các bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N về tội “*Không chấp hành án*” theo khoản 1 Điều 380 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 06 (Sáu) tháng tù và phạt 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) nộp Ngân sách Nhà nước. Xử phạt bị cáo Bùi Thị N 04 (Bốn) tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo cho rằng:

Ủy ban nhân dân huyện VB cấp GCNQSDĐ số BK 571977 vào sổ cấp GCN CH00009 ngày 15/6/2012 diện tích 7.717,2m² cho con trai các bị cáo là anh Phùng Văn C, hiện GCNQSDĐ chưa bị thu hồi nên các bị cáo đã trồng cây vào mảnh đất của con trai của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy GCNQSDĐ có ghi tổng diện tích 7.717,2m², gồm (TĐĐ số 23 thửa đất số 133 diện tích 203m²; thửa số 136 diện tích 237m²).

Sau khi UBND huyện VB phát hiện trong GCNQSDĐ ghi sai tổng diện tích đã giao cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VB thông báo cho anh C giao nộp GCNQSDĐ để điều chỉnh nhưng anh C không giao GCNQSDĐ đất. Ngày 25/01/2024 tại buổi làm việc với phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VB, anh C nhất trí với kết quả kiểm tra sai sót và hẹn ngày 29/01/2024 sẽ giao nộp GCNQSDĐ nhưng anh C không thực hiện.

Việc Ủy ban nhân dân huyện VB viết sai bìa đồ thì UBND huyện VB phải trả lời nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VB trả lời là không

đúng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định trách nhiệm chính GCNQSD đất do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện.

Ngày 24/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB ban hành công văn số 286/CQCSĐT gửi Tòa án nhân dân Tối cao về việc đề nghị cung cấp thông tin. Ngày 31/5/2023, Tòa án nhân dân tối cao đã có công văn số 2064/TANDTC-VP trả lời, nêu rõ theo thông báo số 608/TB-TA ngày 04/8/2021 không có căn cứ để kháng nghị bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Vì vậy kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T3:

Bà T3 cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VB xác định bà là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng mà phải xác định bà là bị hại mới đúng. Xét thấy khách thể của tội không chấp hành án là hành vi cố ý không chấp hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mặc dù có điều kiện. Tội không chấp hành bản án cũng là tội xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức.

Như vậy xác định bà T3 không phải là bị hại trong vụ án nên bà T3 không có quyền kháng cáo về tăng hình phạt đối với các bị cáo T, N.

Đối với việc bà T3 đề nghị buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà tổng số tiền là 9.313.309 đồng (*Chín triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm linh chín đồng*). Số tiền thiệt hại theo bà Lê Thị T3 là tiền đi lại khi bị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án báo gọi đó là nghĩa vụ của đương sự nên không có căn cứ chấp nhận.

Về việc kiến nghị hội đồng xét xử khởi tố đối với anh Phùng Văn C, với vai trò là đồng phạm trong vụ án. Anh Phùng Văn C là người liên đới phải thi hành bản án song anh Phùng Văn C không tham gia cản trở thi hành án nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Phùng Văn T và Bùi Thị N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai như sau:

Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N phạm tội “*Không chấp hành án*”.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 380; điểm i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 06 (Sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt bị cáo Phùng Văn T 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 380; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị N 04 (Bốn) tháng tù, Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T3 về việc buộc các bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N phải bồi thường cho số tiền 9.313.309 đồng (*Chín triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm linh chín đồng*) chi phí đi lại và thu nhập giảm sút do phải làm việc với cơ quan điều tra.

Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Văn T, Bùi Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T3 phải chịu 465.650 đồng (*bốn trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm lăm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phùng Văn T và bị cáo Bùi Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T3 phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Những vấn đề khác đã được tòa án cấp sơ thẩm quyết định không có kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- CQTHAHS CA huyện VB;
- CQĐT CA huyện VB ;
- TAND, VKSND huyện VB ;
- Chi cục THADS huyện VB ;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- NCQLNVLQ; Người BVQVLIHP;
- Lưu hồ sơ - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện